TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3558/2026/QĐST-DS	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi, bổ sung 2025;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 934/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1972; Căn cước công dân: 0311xxxxxxxx do Cục Trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/7/2022; địa chỉ: 738/69 L, khu phố 40, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1985; Căn cước công dân: 0490xxxxxxxx do Bộ Công an cấp ngày 08/7/2024 và bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1991; Căn cước công dân: 0791xxxxxxxx do Bộ Công an cấp ngày 08/7/2024; cùng địa chỉ tại: 341 P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị Hồng Ccó trách nhiệm thanh toán cho bà Trịnh Thị M số tiền là 1.300.000.000đ (một tỷ, ba trăm triệu đồng) theo giấy cam kết lập ngày 17/11/2025, trong đó: trả 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) theo giấy nhận tiền lập ngày 31/01/2024 và trả 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) theo Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất lập ngày 29/02/2024.

Thời hạn thanh toán chậm nhất đến hết ngày 30/7/2027.

2.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng, người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí đối với yêu cầu trả 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) theo giấy nhận tiền lập ngày 31/01/2024 là 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng) do bà Trịnh Thị M tự nguyện chịu toàn bộ, được cấn trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 21.000.000đ (hai mươi mốt triệu đồng) theo Biên lai thu số 0010254 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M đã nộp đủ án phí.

Án phí đối với yêu cầu trả 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) theo theo Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất lập ngày 29/02/2024 là 7.500.000đ (bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) do bà Trịnh Thị M tự nguyện chịu toàn bộ, được cấn trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 12.200.000đ (mười hai triệu, hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0010247 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà Trịnh Thị M số tiền 4.700.000đ (bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND TP. HCM;
- VKSND khu vực 9 – TP. HCM;
- Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Yến